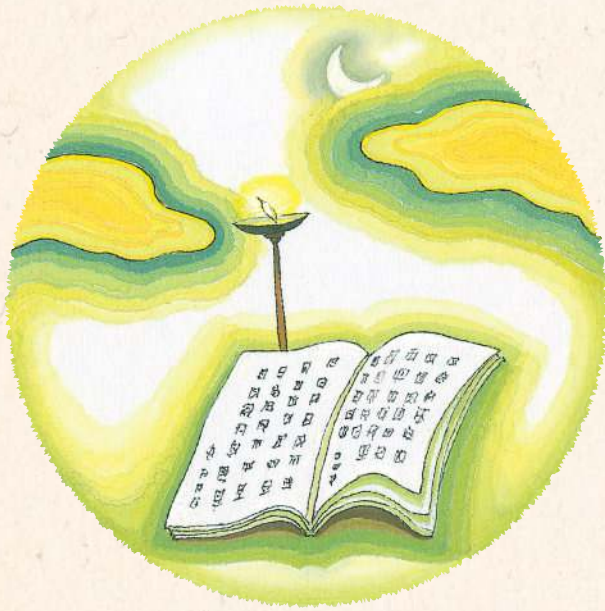




I

Trăm năm, trong cõi người ta,
 Chữ tài chữ mệnh, khéo là ghét nhau¹.
 Trải qua một cuộc bể dâu²,
 Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.
 Lạ gì bỉ sắc, tư phong³,
 Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen⁴.
 Cáo thơm⁵ lần giờ trước đèn,
 “Phong tình⁶ cổ lục” còn truyền sử xanh⁷.
 Rằng: Năm Gia Tĩnh⁸ triều Minh,
 Bốn phương phẳng lặng, hai kinh⁹ vững vàng.
 Có nhà viên ngoại¹⁰ họ Vương,
 Gia tư nghĩ¹¹ cũng thường thường bậc trung.

(10)

¹ Người có tài thì thường gặp mệnh bạc, hình như *tài*, *mệnh* ghét nhau, xung khắc với nhau, hễ được hơn cái này thì phải kém cái kia. (Các chú thích không ghi thêm gì đều của *Biên tập*).

² *Bể dâu*: Trong văn chương cổ của ta thường dùng thành ngữ “bãi bể nương dâu” hoặc nói tắt là “bể dâu” để chỉ những sự biến đổi thăng trầm của cuộc đời.

³ *Bỉ sắc, tư phong*: Cái kia kém thì cái này hơn, được hơn điều này thì bị kém điều kia.

⁴ *Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*: Tạo hóa ghen với người đàn bà đẹp. Ý nói: Người đàn bà đẹp thường gặp cảnh ngộ không hay.

⁵ *Cáo thơm*: Chữ Hán *phương cáo*, nghĩa là *pho sách thơm, pho sách hay*.

⁶ *Phong tình*: Chuyện tình yêu trai gái.

⁷ *Sử xanh*: Thời xưa, khi chưa có giấy, người ta chép sử bằng cách khắc chữ vào những thanh tre, cột tre màu xanh, nên gọi là *thanh sử*.

⁸ *Gia Tĩnh*: Niên hiệu vua Thế Tông nhà Minh (Trung Quốc) (1522 - 1566).

⁹ *Hai kinh*: Tức Bắc Kinh và Nam Kinh (Trung Quốc).

¹⁰ *Viên ngoại*: Một chức quan giữ việc sổ sách tại các bộ, đặt ra từ đời Lục triều. Về sau, *viên ngoại* dần dần trở thành một hư hàm. Chữ *viên ngoại* ở đây được dùng theo nghĩa này.

¹¹ *Nghĩ*: Người ấy. [BT]



Một trai con thứ tốt lòng,
Vương Quan là chữ¹, nổi dòng nho gia.
Đầu lòng hai ả tố nga²,
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
Mai cốt cách, tuyết tinh thần,
Một người một vẻ, mười phân vẹn mười.
Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng³ đầy đặn, nét ngài⁴ nở nang.
Hoa cười, ngọc thốt⁵, đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc, lại là phần hơn.
Làn thu thủy, nét xuân sơn⁶,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành⁷,
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai⁸.
Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm,
Cung thương⁹, lầu bạc ngũ âm,
Nghê riêng ăn đứt hồ cầm¹⁰ một trang.
Khúc nhà tay lựa nên xoang,
Một thiên bạc mệnh¹¹ lại càng nảo nhân¹².
Phong lưu rất mực hồng quần¹³,
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê¹⁴.
Êm đềm trướng rủ màn che,
Tường đông¹⁵ ong bướm đi về mặc ai.

¹ *Chữ*: Theo lễ nghi Trung Quốc xưa, người nào cũng có *đanh* là *tên chính*, và *tự* là *tên chữ* (*đanh* đặt từ khi sinh ra, còn *tự* thì đến khi hai mươi tuổi mới dựa theo *đanh* mà đặt).
² *Tố nga*: Người con gái đẹp.
³ *Khuôn trăng*: Khuôn mặt đầy đặn, tròn trĩnh, xinh xắn như mặt trăng.
⁴ *Nét ngài*: Nét lông mày.
⁵ *Hoa cười, ngọc thốt*: Cười tươi như hoa, lời nói đẹp như tiếng ngọc.
⁶ *Thu thủy*: Nước mùa thu. *Xuân sơn*: Núi mùa xuân. Câu này ví mặt Kiều sáng như làn nước mùa thu, lông mày đẹp đẽ như rặng núi mùa xuân
⁷ Lấy ý từ bài ca của Lý Diên Niên đời Hán, ca ngợi sắc đẹp của một mỹ nhân:
*Nhất cổ khuynh nhân thành,
Tái cổ khuynh nhân quốc.*

Nghĩa là:
*Quay lại nhìn một lần thì làm nghiêng thành người.
Quay lại nhìn lần nữa thì làm nghiêng nước người.*

Do đó, người đời sau thường dùng chữ *nghiêng nước* (*khuynh quốc*), *nghiêng thành* (*khuynh thành*) để chỉ sắc đẹp phi thường của phụ nữ.
Hai chữ *một hai* trong câu này là dịch mấy chữ *nhất cổ, tái cổ* ở trên.
⁸ Câu này có nghĩa là về "sắc" thì chỉ có một mình Kiều là nhất, về "tài" thì may ra còn có người thứ hai nữa.
⁹ *Cung, thương*: Hai âm đứng đầu ngũ âm trong cung bậc nhạc cổ của Trung Quốc: Cung, thương, giốc, chú, vũ.
¹⁰ *Hồ cầm*: Một loại đàn tì bà. *Hồ cầm một trang*: Một cây đàn hồ cầm.
¹¹ *Bạc mệnh*: Tên bản đàn do Thúy Kiều sáng tác. *Bạc mệnh* nghĩa là số mệnh bạc bẽo, mỏng manh.
¹² *Nảo nhân*: Làm cho người ta nghe mà nảo lòng.
¹³ *Hồng quần*: Cái quần màu hồng, hai chữ này được dùng để chỉ nữ giới.
¹⁴ *Cập kê*: Đến tuổi cài trâm (kê nghĩa là *cài trâm*). Theo lễ cổ Trung Quốc, con gái 15 tuổi đến thì hứa gả chồng, cho nên bắt đầu búi tóc cài trâm.
¹⁵ *Tường đông*: Bức tường phía đông. Thời xưa, con gái thường ở nhà phía đông. Đây dùng chữ *tường đông* để chỉ nơi có con gái đẹp ở.



2

Ngày xuân con én đưa thoi¹,
Thiếu quang² chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Thanh minh³, trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ⁴, hội là đạp thanh⁵.
Gần xa nô nức yến anh⁶,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Dập dìu tài tử, giai nhân,
Ngựa xe như nước⁷, áo quần như nen⁸.
Ngõn ngang gò đống kéo lên⁹,
Thoi vàng vó¹⁰ rắc, tro tiền giấy bay.
Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.

¹ *Con én đưa thoi*: Chim én bay đi bay lại như chiếc thoi đưa.
² *Thiếu quang*: Ánh sáng tươi đẹp, chỉ tiết mùa xuân. Mùa xuân có 90 ngày (ba tháng), mà đã ngoài 60 ngày, tức là đã bước sang tháng ba.
³ *Thanh minh*: Là một tiết của mùa xuân nhằm vào đầu tháng ba.
⁴ *Tảo mộ*: Quét mộ. Theo tục cổ, đến tiết Thanh minh con cháu đi viếng và sửa sang lại phần mộ của tổ tiên.
⁵ *Đạp thanh*: Giẫm lên cỏ xanh. Trai gái đi chơi xuân, giẫm lên cỏ xanh ngoài đồng, do đó mà gọi Thanh minh là *hội Đạp thanh*.
⁶ *Yến anh*: Chim *yến* (*én*), chim *anh* (có khi đọc là *oanh*), hai loài chim về mùa xuân thường hay ríu rít từng đàn. Đây ví với cảnh những đoàn người rộn ràng đi chơi xuân.
⁷ *Ngựa xe như nước*: Ngựa xe qua lại như nước chảy, hết lớp này đến lớp khác.
⁸ *Áo quần như nen*: Ý nói người đông đúc, chen chúc.
⁹ Những đoàn người ngõn ngang kéo nhau lên nơi gò đống.
¹⁰ *Vàng vó*: Một loại vàng giấy, dùng trong việc đưa ma hoặc lễ mộ.

Bước dần theo ngọn tiểu Khê¹,
 Lăn theo phong cảnh có bề thanh thanh.
 Nao nao dòng nước uốn quanh,
 Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
 Sè sè nắm đất bên đàng,
 Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
 Rằng: “Sao trong tiết Thanh minh,
 Mà đây hương khói vắng tanh thế mà?”
 Vương Quan mới dẫn gần xa:
 “Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi²,
 Nổi danh tài sắc một thì,
 Xôn xao ngoài cửa, hiếm gì yến anh.
 Phận hồng nhan³ có mong manh,
 Nửa chừng xuân, thoát gãy cành thiên hương⁴.
 Có người khách ở viễn phương,
 Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.
 Thuyền tình vừa ghé đến nơi,
 Thì đà trâm gãy bình rơi⁵ bao giờ.
 Buồng không lạng ngắt như tờ,
 Dấu xe ngựa⁶ đã rêu lờ mờ xanh.
 Khóc than khôn xiết sự tình,
 Khéo vô duyên bấy⁷ là mình với ta!
 Đã không duyên trước chẳng mà,
 Thì chi chút ước gọi là duyên sau.
 Sấm sanh nếp tử, xe châu⁸,
 Vui nông một nắm mặc dầu cỏ hoa.
 Trái bao thỏ lặn ác tà⁹,
 Ấy mỗ vô chủ, ai mà viếng thăm!”
 Lòng đâu sẵn mối thương tâm,
 Thoắt nghe Kiều đã đầm đầm châu¹⁰ sa:
 “Đau đớn thay, phận đàn bà!
 Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.
 Phũ phàng chi bấy hóa công¹¹!
 Ngày xanh mòn mỏi, má hồng phôi pha.

¹ Tiểu Khê: Ngòi nước nhỏ.

² Ca nhi: Con hát.

³ Hồng nhan: Má hồng, chỉ người đẹp.

⁴ Cành thiên hương: Cành hoa thơm của trời, ví với người đẹp.

⁵ Trâm gãy bình rơi: Ý nói người đẹp đã chết.

⁶ Dấu xe ngựa: Dấu vết xe ngựa của những khách đến chơi bởi trước đây.

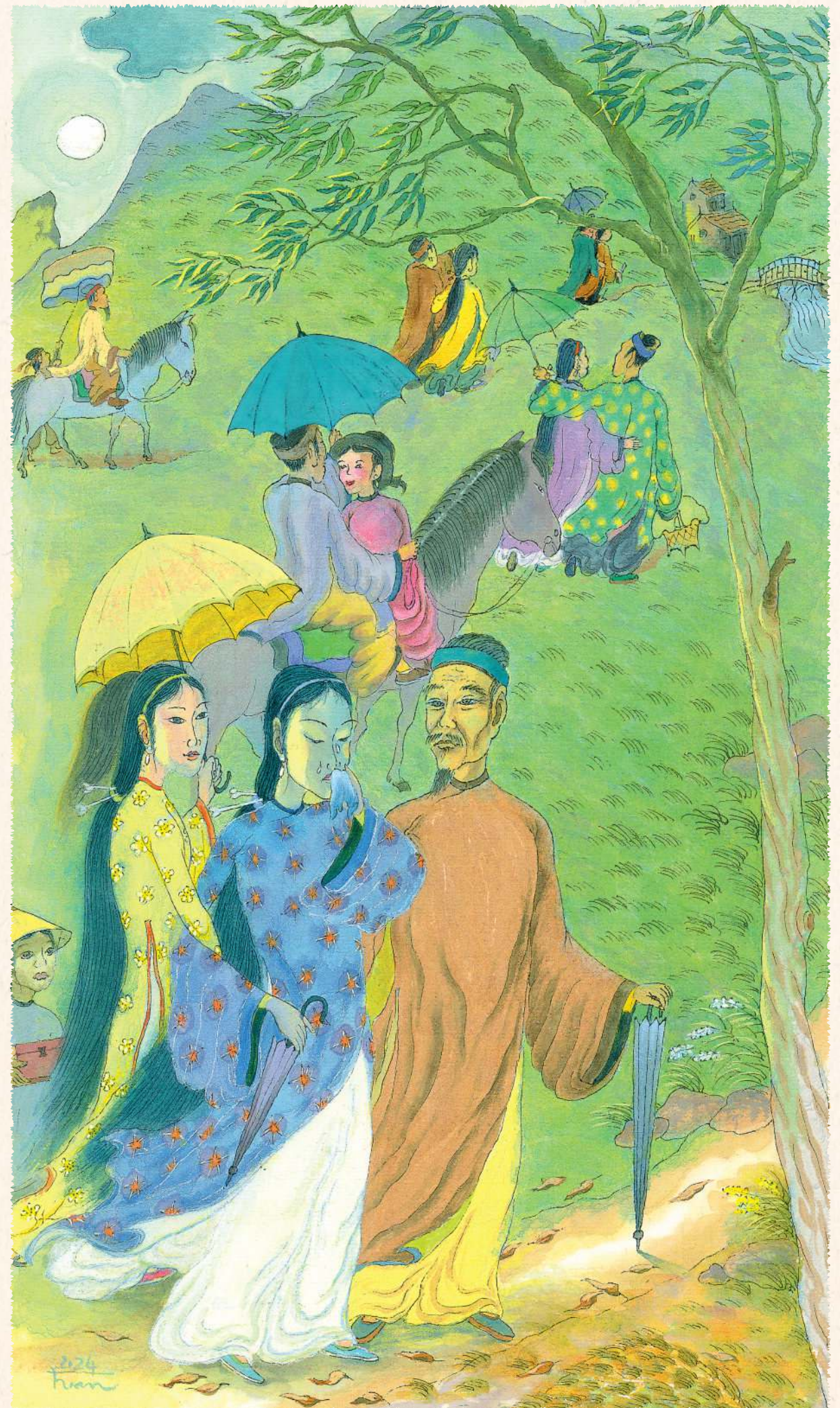
⁷ Bấy: Biết bao nhiêu.

⁸ Nếp tử, xe châu: Quan tài bằng gỗ tử và xe đưa đám tang có rèm hạt châu. Ý nói người khách mua quan tài và thuê xe tang chôn cất Đạm Tiên một cách chu đáo.

⁹ Thỏ lặn ác tà: Người xưa cho rằng trong mặt trăng có con thỏ giã thuốc, trong mặt trời có con quạ vàng ba chân. Ý cả câu là bao nhiêu ngày tháng đã trôi qua.

¹⁰ Châu: Hạt ngọc châu, đây chỉ nước mắt.

¹¹ Hóa công: Thợ tạo hóa, tức là trời.



Sống làm vợ khắp người ta,
Hại thay thác xuống làm ma không chồng!
Nào người phượng chạ loan chung¹,
(90) Nào người tiếc lục, tham hồng² là ai?
Đã không kẻ đoái, người hoài,
Sẵn đây ta kiếm một vại nén hương.
Gọi là gặp gỡ giữa đường,
Họa là người dưới tuổi vàng³ biết cho.”
Lầm rầm khăn vái nhỏ to,
Sụp ngổ, đặt cổ trước mồ, bước ra.
Một vùng cỏ áy⁴, bóng tà,
Gió hiu hiu thổi một và bông lau.
Rút trâm sẵn giắt mái đầu,
(100) Vạch da cây, vịnh bốn câu ba vắn.
Lại càng mê mẩn tâm thần,
Lại càng đứng lặng tần ngần chẳng ra.
Lại còn ủ dột nét hoa,
Sầu tuôn đứt nối, châu sa vắn dài.
Vân rằng: “Chị cũng nực cười,
Khéo dư nước mắt, khóc người đời xưa!”
Rằng: “Hồng nhan tự nghìn xưa,
Cái điều bạc mệnh có chứa ai đâu.
Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
(110) Thấy người nằm đó, biết sau thế nào?”
Quan rằng: “Chị nói hay sao,
Một lời là một vắn vào⁵ khó nghe!
Ở đây âm khí⁶ nặng nề,
Bóng chiều đã ngả, dặm về còn xa.”
Kiều rằng: “Những đáng tài hoa,
Thác là thể phách⁷, còn là tinh anh.
Dễ hay tình lại gặp tình,
Chờ xem ắt thấy hiển linh⁸ bây giờ!”
Một lời nói chưa kịp thưa,
(120) Phút đâu trận gió cuốn cờ đến ngay.
Ào ào đổ lộc, rung cây,

¹ *Phượng*: Chim phượng trống. *Loan*: Chim phượng mái. Trong văn cổ, loan phượng dùng để chỉ đôi lứa vợ chồng. Ở đây chỉ những khách làng chơi từng đi lại với Đạm Tiên ngày trước.

² *Tiệc lục tham hồng*: Ý nói luyện tiệc, ham sắc đẹp của giai nhân.

³ *Suối vàng*: Chữ Hán *hoàng tuyền* – cõi âm. Người xưa quan niệm người chết bị chia cắt với cõi dương – cõi người sống – bởi chín dòng suối vàng.

⁴ Áy: Vàng úa.

⁵ *Vận vào*: Ý nói lời nào cũng như nói ám chỉ vào mình.

⁶ Âm khí: Cái khí côi âm, côi chết, ở đây chỉ không khí bãi tha ma.

⁷ *Thể*: Thể xác (hữu hình). *Phách*: Chỉ những cái gì vô hình, chỉ dựa vào thể xác mà tồn tại.

⁸ *Hiển linh*: Tỏ sự linh thiêng cho mọi người biết.

Ở trong đường có hương bay ít nhiều.
 Đè chừng ngọn gió lần theo,
 Dầu giầy từng bước in rêu rành rành.
 Mặt nhìn, ai thấy đều kinh,
 Nàng rằng: “Này thực tình thành¹ chẳng xa.
 Hữu tình ta lại gặp ta,
 Chớ nề u hiển², mới là chị em.”
 Đã lòng hiển hiện cho xem,
 Tạ lòng, nàng lại nối thêm vài lời.
 Lòng thơ lai láng bồi hồi,
 Gốc cây, lại vạch một bài cổ thi.
 Dừng dằng nửa ở, nửa về,
 Nhạc vàng đầu đã tiếng nghe gần gần.
 Trông chừng thấy một văn nhân,
 Lông buông tay khấu³, bước lần dặm băng⁴.
 Để huê lương túi gió trăng⁵,
 Sau chân theo một vài thằng con con.
 Tuyết in sắc ngựa câu⁶ giòn,
 Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.
 Nẻo xa mới tỏ mặt người,
 Khách đà xuống ngựa, tới nơi tự tình⁷.
 Hải văn⁸ lần bước dặm xanh⁹,
 Một vùng như thể cây quỳnh, cành dao¹⁰.
 Chàng Vương, quen mặt ra chào,
 Hai Kiều¹¹ e lệ nép vào dưới hoa.
 Nguyên người quanh quất đầu xa,
 Họ Kim tên Trọng, vốn nhà trâm anh¹².
 Nền phú hậu¹³, bậc tài danh,
 Văn chương nét đất¹⁴, thông minh tính trời.
 Phong tu¹⁵ tài mạo¹⁶ tuyệt vời,

¹ *Tinh thành*: Lòng thành thuần khiết, lòng chí thành.

² U: Tồi, chỉ cỗi chết. *Hiền*: Sáng rõ, chỉ cỗi sống. Ý nói: Chớ nề kẻ sống, người chết, kẻ cỗi âm, người cỗi dương.

³ *Tay khâu*: Tay cầm cương ngựa. Ý nói buông lỏng dây cương cho ngựa đi thông thả.

⁴ *Băng*: Lướt đi. *Dặm băng*: Như nói dặm đường đi.

⁵ *Lung túi gió trắng*: Tức là lung túi thơ. Những nhà thơ thời xưa hay ngâm phong vịnh nguyệt nên người ta gọi thơ là *phong nguyệt* (gió trăng).

⁶ *Câu*: Con ngựa non trẻ, lanh lợi, xinh đẹp.

⁷ *Tự tình*: Chuyện trò, bày tỏ tâm tình.

⁸ *Hài văn*: Thứ giày thêu mà nho sĩ thời xưa thường dùng.

⁹ *Dặm xanh*: Dặm cỏ xanh.

¹⁰ *Cây quỳnh, cành giao*: Cây ngọc quỳnh và cây ngọc giao. Ý nói về khôi ngô tuấn tú của Kim Trọng như làm cho cả một vùng cũng hóa thành đẹp.

¹¹ Hai Kiều: Hai người con gái xinh đẹp, tức là hai chị em Thúy Kiều.

¹² *Trâm anh*: Trâm là cái trâm để cài tóc. *Anh* là cái dải mũ. Hai thứ dùng trang sức cho cái mũ của người sĩ tử, quan chức. *Nhà trâm anh*: Những nhà thế tộc phong kiến, có người đỗ đạt, làm quan.

¹³ *Phú hậu*: Giàu có.

¹⁴ *Nết đất*: Theo lối nhà, theo dòng dõi trong nhà.

¹⁵ Phong tư. Dáng điệu.

¹⁶ *Tài mạo*: Tài hoa và dung mạo.



Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa¹.
Chung quanh vẫn đất nước nhà,
Với Vương Quan, trước vẫn là đồng thân².
Vẫn nghe thơm nức hương lân³,
Một nền Đồng Tước⁴, khóa xuân⁵ hai Kiều.
Nước non cách mấy buồnghêu⁶,
Những là trộm dẫu, thâm yêu, chốc mòng⁷.
May thay giải cấu tương phùng⁸,
(160) Gặp tuần đổ lá⁹, thỏa lòng tim hoa.
Bóng hồng¹⁰ nhác thấy nẻo xa,
Xuân lan, thu cúc¹¹, mặn mà cả hai.
Người quốc sắc¹², kẻ thiên tài,
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.
Chập chờn cơn tỉnh, cơn mê,
Rón ngời chẳng tiện, dứt về chín khôn¹³.
Bóng tà như giục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo.
(170) Dưới dòng nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.
Kiều từ trở gót trưởng hoa,
Mặt trời gác núi, chiêng đà thu không,
Gương nga¹⁴ chênh chếch dòm song,
Vàng gieo ngấn nước¹⁵, cây lồng bóng sân.
Hải đường là ngọn đông lân¹⁶,
Giọt xuân gieo nặng, cảnh xuân la đà.
Một mình lặng ngắm bóng nga¹⁷,
Rộn đường gần với nỗi xa bởi bởi:
“Người mà¹⁸ đến thế thời thôi,

¹ Vào trong: Ở trong nhà. Phong nhã: Phong lưu nho nhã. Ra ngoài: Ra giao thiệp với đời. Hào hoa: Sang trọng, phong cách có vẻ quý phái.

² Đồng thân: Bạn cùng học.

³ Hương lân: Làng xóm, ý nói: Vẫn nghe tiếng khen đồn đại ở vùng lân cận.

⁴ Đồng Tước: Đồi Tam Quốc (Trung Quốc), Tào Tháo đào sông Chương Hà, bắt được đôi chim sẻ đồng, bèn cho xây ở gần đó một tòa lâu đài, đặt tên là đài Đồng Tước (sẻ đồng), và định hễ đánh thắng Đồng Ngô thì bắt hai chị em Đại Kiều và Tiểu Kiều (là vợ Tôn Sách và vợ Chu Du) đem về đây để vui thú cảnh già.

⁵ Khóa xuân: Khóa kín tuổi xuân, tức cấm cung; tác giả mượn điển cũ để nói bóng rằng nhà họ Vương có hai cô gái đẹp cấm cung.

⁶ Buồnghêu: Buồn người con gái.

⁷ Chốc mòng: Tiếng cổ, nghĩa là bấy lâu, bấy nay.

⁸ Giải cấu tương phùng: Cuộc gặp gỡ tình cờ.

⁹ Đổ lá: Hội đổ lá, còn gọi là điệp hí, một tục chơi xuân có từ đời nhà Đường (Trung Quốc). Vào khoảng tháng ba, trai gái đi du xuân, bẻ một cành cây rồi đổ nhau xem số lá chẵn hay lẻ để đoán việc may rủi. Đây là dịp để họ làm quen và tìm hiểu nhau.

¹⁰ Bóng hồng: Bóng người con gái. Phụ nữ Trung Quốc thời xưa hay mặc quần đỏ nên gọi là bóng hồng.

¹¹ Xuân lan, thu cúc: Hai chị em Kiều mỗi người có một vẻ đẹp riêng, người như lan mùa xuân, người như cúc mùa thu.

¹² Quốc sắc: Sắc đẹp hiếm có trong đất nước, chỉ Thúy Kiều.

¹³ Chín khôn: Chẳng xong, không xong.

¹⁴ Gương nga: Theo truyền thuyết, trên cung trăng có chị Hằng Nga nên thường gọi trăng là "gương nga".

¹⁵ Vàng gieo ngấn nước: Ánh trăng vàng dọi xuống ngấn nước.

¹⁶ Đông lân: Xóm bên đông, nơi có con gái đẹp ở, cũng giống nghĩa chữ tường đông.

¹⁷ Hải đường là ngọn đông lân: Cây hải đường ở xóm đông là ngọn xuống.

¹⁸ Người mà: Chỉ Đạm Tiên.